TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 131/2019/DS- ST
Ngày: 25 - 4 - 2019
V/v tranh chấp dân sự "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Công Sết**

2. Ông **Võ Thái Quân**

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông **Lê Hữu Đức** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST - DS ngày 17 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp dân sự về "Hợp đồng góp hụi". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1958

Nơi cư trú: tổ 8, ấp B Tr 1, xã B T Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn T G** (T), sinh năm 1968 và bà **Bùi Thị Th,** sinh năm 1966

Cùng cư trú: tổ 6, ấp B T 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang

(Các đương sự có mặt, ông G xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải bà Võ Thị N trình bày: Vào ngày 15/6/2018, ông G (T) và bà Th có nợ tiền vay, tiền góp của bà nhiều khoản trả góp hàng và hàng tháng số tiền nhiều, nên nhờ bà ra hụi để trừ đi các số tiền thiếu, bà đồng ý ra hụi 3 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, số tiền bà tính với bà Th là 105.000.000 đồng, vợ chồng ông G bà Th thỏa thuận góp lại cho bà mỗi ngày 200.000 đồng (mỗi tháng tương ứng 6.000.000 đồng) góp lại 24 tháng = 144.000.000 đồng, vợ chồng ông G bà Th có ký tên trong giấy ra hụi. Sau khi lấy tiền G, Th không góp cho bà như thỏa thuận.

Nay yêu cầu vợ chồng G (T) và Th phải trả cho bà số tiền vốn gốc là 105.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi

- Bị đơn bà Bùi Thị Th trình bày: Bà có hỏi tiền góp của bà N với số tiền 40.000.000 đồng, góp 4 tháng thành 50.000.000 đồng, bà đã góp được 3 tháng 15 ngày với số tiền 21.000.000 đồng, còn nợ lại 29.000.000 đồng chưa góp. Bà khẳng định không có chơi hụi như bà N trình bày.

Nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin hẹn đến khi nào có tiền sẽ trả dần cho bà N đến khi trả xong số tiền 29.000.000 đồng.

Ngoài ra bà thừa nhận vợ chồng bà có ký tên trong giấy hụi có nội dung "Th có hốt hụi chị hai nhân rồi còn chầu lại 24 kì hụi chết mỗi kỳ 6.000.000 đồng".

* Ông Nguyễn T G vắng mặt nhưng có lời trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 như sau: Việc bà N ra hụi với vợ ông cụ thể như thế nào ông không biết, vì việc chơi hụi hay hốt hụi là do vợ ông trực tiếp chơi, vợ chồng ông có ký trong giấy hụi có nội dung "Th có hốt hụi chị hai nhân rồi còn chầu lại 24 kì hụi chết mỗi kỳ 6.000.000 đồng", hiện nay vợ ông bà Th đồng ý trả cho bà N bao nhiêu thì ông đồng ý cùng trả cho bà N.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp gì khác; không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn T G có đơn xin vắng mặt, nhưng có lời trình bày rõ ràng và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông G. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: bị đơn bà Th không thừa nhận có nhận tiền hụi của bà N, mà cho rằng chỉ còn nợ tiền góp là 29.000.000 đồng, nhưng không đưa chứng cứ gì chứng minh là nợ tiền góp, mà thừa nhận giấy ra hụi của bà N do vợ chồng bà cùng ký tên, mặt khác bà không lý giải việc số tiền góp của bà không đến 105.000.000đ và cũng không có chứng cứ nào chứng minh khác, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi tiền vốn là có căn cứ đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn T G có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, đương sự vắng mặt đã cung cấp lời khai trình bày rõ ý kiến, yêu cầu của mình và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án T hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và hiện nay ông Nguyễn T G và bà Bùi Thị Th cư trú tổ 6, ấp B T 1, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân theo Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung: Bà Bùi Thị Th không thừa nhận có nhận tiền hụi do bà N giao mà chỉ thừa nhận còn nợ tiền góp là 29.000.000 đồng nhưng bà và ông G thừa nhận là có ký tên trong giấy hụi có nội dung " Th có hốt hụi chị hai nhân rồi còn chầu lại 24 kì hụi chết mỗi kỳ 6.000.000 đồng", vì vậy bà N khởi kiện yêu cầu trả tiền vốn là có căn cứ phù hợp pháp luật dân sự.

Xét chứng cứ trong hồ sơ, căn cứ kết quả hỏi công khai tại phiên tòa thể hiện, bà Bùi Thị Th không thừa nhận hỏi vay, tiền góp với bà N, do góp số tiền lớn nên nhờ bà N ra hụi, nhưng lại phủ nhận số tiền nợ không tương ứng với số tiền mà nhờ bà N ra hụi, mà chỉ thừa nhận còn nợ tiền góp là 29.000.000 đồng nhưng bà và ông G thừa nhận là có ký tên trong giấy hụi có nội dung "Th có hốt hụi chị hai nhân rồi còn chầu lại 24 kì hụi chết mỗi kỳ 6.000.000 đồng", qua hòa giải, đối chất và tại phiên tòa bà Th không đưa ra chứng cứ nào chứng minh là nợ tiền góp của bà N mà thừa nhận có đến nhà bà N để tính tiền và có thỏa thuận bà N ra hụi, nhưng bà không nhận tiền điều này phù hợp với lời trình bày của bà N đã ra hụi để trừ các tiền góp và tiền vay nên các bên chỉ xác định số tiền theo giấy ra hụi là phù hợp với thực tế vì vậy bà Th ông G phải có nghĩa vụ trả tiền vốn hụi cho bà N là 105.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà N rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu đòi tiền vốn là 105.000.000đ không

yêu cầu tính lãi khi mãn hụi hay tính lãi chậm trả, điều này có lợi cho bà Th và ông G nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về án phí: Do bà Th, ông G phải trả cho bà N 105.000.000đ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với ông Nguyễn T G và bà Bùi Thị Th về hợp đồng góp hụi.

- Buộc ông Nguyễn T G và bà Bùi Thị Th phải trả cho bà Võ Thị N số tiền vốn ra hụi là 105.000.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

- Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với ông Nguyễn T G và bà Bùi Thị Th về hợp đồng góp hụi.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn T G và bà Bùi Thị Th phải chịu 5.250.000 đồng (Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Võ Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Võ Thị N 3.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005420 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Kể từ ngày bà Võ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn T G và bà Bùi Thị Th không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn T G được quyền kháng cáo kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Chiến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.